

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST

Ngày 08/11/2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tân;

2. Ông Hoàng Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Đại Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 288/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Đình L

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thanh P

Cùng địa chỉ: Đội 5, thôn H, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 21-6-2018, Đơn khởi kiện (bổ sung) ngày 09-7-2018, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dương Đình L trình bày: Ông và bà Lê Thị Thanh P tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết

hôn năm tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S (nay thuộc thành phố Q) vào ngày 24-3-1995. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bà P thường hay ghen tuông, nghi ngờ ông có quan hệ tình cảm với người khác, nóng nảy, chửi bới, xúc phạm ông. Chính quyền địa phương cũng đã biết sự việc của gia đình ông và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả, không giải tỏa được nghi ngờ của bà P. Do cuộc sống gia đình ngột ngạt, ông đã ly thân với bà P gần 03 năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục được nữa và để ổn định cuộc sống, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Thanh P.

Về con chung: Ông và bà P có 02 con chung là cháu Dương AV (sinh ngày 23-4-1996) và cháu Dương LTQ (sinh ngày 28-01-2003). Ông L thay đổi yêu cầu đã nêu trong đơn khởi kiện, ông yêu cầu Tòa án giao cháu Q cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và ông không phải cấp dưỡng nuôi con; riêng cháu V đã thành niên, có thể tự lập nên ông L không có ý kiến.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

** Bị đơn bà Lê Thị Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.*

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn ông Dương Đình L tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Lê Thị Thanh P không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông L được ly hôn với bà P; về con chung giao cháu Dương LTQ cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông L không cấp dưỡng nuôi con vì bà P không yêu cầu. Tài sản chung ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung ông L trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Dương Đình L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn bà Lê Thị Thanh P vắng mặt tại phiên

tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về con chung. Xét sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Đình L và bà Lê Thị Thanh P tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S (nay thuộc thành phố Q) vào ngày 24-3-1995, nên là hôn nhân hợp pháp. Theo ông L trình bày thì trong quá trình chung sống, giữa ông L và bà P nảy sinh mâu thuẫn do bà P không tin tưởng ông, thường ghen tuông, nghi ngờ ông có quan hệ ngoại tình với người khác, dẫn đến đời sống hôn nhân ngọt ngào, vợ chồng đã ly thân đã gần 03 năm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Bà P đã nhiều lần từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập; trong thời hạn luật định không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án để làm việc, hòa giải; không đến phiên tòa để trình bày. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, chấp nhận toàn bộ trình bày, chứng cứ của nguyên đơn về tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được được, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L.

[2.2] Về con chung: Ông L, bà P có 02 con chung là cháu Dương AV (sinh ngày 23-4-1996) và cháu Dương LTQ (sinh ngày 28-01-2003). Trong quá trình Tòa án giải quyết, ông L thay đổi yêu cầu, đề nghị Tòa án giao cháu Q cho bà P nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Q hiện đang sống với bà P, có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông L, giao cháu Dương LTQ cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Dương Đình L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 144, 147, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Ông Dương Đình L được ly hôn với bà Lê Thị Thanh P.

2. Giao cháu Dương LTQ, sinh ngày 28/01/2003 cho bà Lê Thị Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;

Ông Dương Đình L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không được ai cản trở.

3. Ông Dương Đình L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003463 ngày 18/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định

tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Thiện, TP. Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lê Anh Tuấn và bà Nguyễn Thị Hợi kết hôn với nhau vào năm 1976, trước thời điểm Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 có hiệu lực pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo ông Tuấn trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên ông Tuấn đã đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn vào năm 1996. Trong khoảng thời gian ông Tuấn đi làm ăn xa nhà, bà Hợi đã bỏ nhà ra đi. Từ đó đến nay, giữa ông Tuấn và bà Hợi không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa.